

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST- HNGĐ ngày 26/02/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1990
HKTT: khu phố L1, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1992
HKTT: ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)
3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: khu phố L1, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Mẹ ruột bà T - Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 166 quyền số 01 ngày 21/12/2015. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng về sống tại huyện L3, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, ông C thường xuyên đi ăn nhậu với bạn bè, khi về nhà thì vô cớ kiểm chuyện với bà; trong cuộc sống ông C

không phụ giúp được về kinh tế, bà T góp ý khuyên nhủ nhưng ông C không thay đổi, dẫn đến cả hai không có tiếng nói chung và tự sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Do chung sống nhưng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ông C đến tòa làm việc, hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ông C đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay ông C vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Ý kiến người làm chứng bà Nguyễn Thị H:

Bà H là mẹ ruột bà T, bà sống cùng vợ chồng bà T từ đầu, luôn vun vén hạnh phúc cho các con, tuy nhiên những gì bà T trình bày tại tòa là hoàn toàn đúng, cuộc sống của các con không được hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân để giải quyết cho yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn xung đột rồi tự sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng là có thật qua sự khai nhận của nguyên đơn và người làm chứng. Tòa án tiến hành xác minh thì hiện nay ông C vẫn sinh sống tại xã L, ý kiến của gia đình và của ông C mong muốn bà T suy nghĩ để có thể vợ chồng quay về với nhau. Tuy nhiên trong suốt quá trình hòa giải tại tòa ông C không hợp tác là thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với bà T.

Quá trình giải quyết tại tòa bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không thể hòa hợp được do không còn tình cảm với nhau. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Minh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003284 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND thị trấn L2, huyện L3;
(Số 166, Quyền 01/2015);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

